SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỪA THIÊN HUẾ

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG NĂM HOC 2021 – 2022

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 Môn: TIẾNG ANH

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỰC

(Đề có 04 trang)

Mã đề: 456

Task 1. (0.5 point) Choose the word that has a different stress pattern from the others in each question from 1 to 2.

Em hãy chọn từ có trọng âm khác với những từ còn lại ở mỗi câu sau, từ câu 1 đến 2

Câu 1: A. stationB. marketC. theatreD. hotelCâu 2: A. engineerB. familyC. sceneryD. hospital

Task 2. (1.25 points) Read the following passage and decide if the statements are True, False, or Not given. Choose the letter A, B or C in each of the questions from 3 to 7.

Em hãy đọc đoạn văn và chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu sau, từ câu 3 đến 7

Misozi is eleven and lives in Zambia, in Africa. Every morning she and her little sister, Grace, get up at half past four. First, they get water. It takes an hour. They come home and they have breakfast with their mother. After breakfast, their mother goes to work. Then the sisters walk to school. They leave the house at six o'clock and they get to school at half past seven. They love school. At twelve o'clock, the students have lunch. They have a dish called nshima, In the afternoon, the girls walk home. They clean their small house. They get water again and do the washing. At seven o'clock, their mother comes home from work with some food. They all cook dinner. Then Misozi helps Grace with her homework.

The girls' life isn't easy, but they have a mother, food, and they go to school. Many African children don't have these things.

*Note: **Not given**: không có thông tin trong bài

Câu 3: Misozi lives with her mum and sister.

A. True **B.** False **C.** Not given

Câu 4: Before going to school, the girls spend half an hour getting water.

A. True B. False . C. Not given

Câu 5: Misozi and Grace study hard at school.

A. True **B.** False **C.** Not given

Câu 6: Misozi and Grace go to school in the afternoon.

A. True **B.** False **C.** Not given

Câu 7: The girls are luckier than many other African children.

A. True B. False C. Not given

Task 3. (1.25 points) Read the following passage and choose the best answer A, B, C or D to each of the questions from 8 to 12.

Em hãy đọc đoạn văn và chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu sau, từ câu 8 đến câu 12.

Jane loves reading about different animals in her school library. Last Friday, Jane's teacher told the class to find pictures of animals. "Look on the website I told you about yesterday," she said. "Work with a friend. Choose a really strong animal and talk about it"

Jane worked with Paul. "Bears are great" Paul said, "Let's find a picture of a bear. They are really good at catching fish! "Or a lion"? People are frightened of those. Let's find a picture of a lion with its mouth open. I like seeing its big teeth."

"What about kangaroos?" Jane said. "They have longer and stronger tails than bears or lions. It's their tails that make them really good at hopping! Their back legs are the strongest, too." Paul looked at Jane. "OK! You are right again, Jane." he said. "You are the cleverest girl in the class!"

B. Strong Animals

Câu 8: What is the topic of the pupils' task?

A. Frightening Animals

C. Lovely Animals		D. Clever Animal	S
C âu 9 : What did the teacher a	sk the pupils to do?		
A. Go to the library the	teacher and read bo	ooks on animals.	
B . Find a picture of an a	animal and talk abo	ut it.	
C. Chat about strong an	imals with a friend	online.	
D . Choose a strong anim	nal and draw a picti	are of it.	
Câu 10: According to Paul, w	hich animals are pe	ople frightened of?	
A . bears and lions		B. kangaroos and	lions
C. bears and kangaroos		D . lions and fish	
C âu 11: What helps kangaroo	s hop well?		
A. Their strong front leg	gs	B . Their long and	strong tails
C. Their strong big teet	h	D . Their strong back legs	
C âu 12 : Which of the following	ng is NOT TRUE a	bout Jane?	
A . Jane is not very intel	ligent.	B . Jane and Paul a	are classmates.
C. Jane thinks kangaroo	os are strong.	D. Jane likes read	ing books.
Fask 4. (4 points) Choose the Em hãy chọn phương án t Câu 13: They would like som	rả lời đúng nhất ch	o mỗi câu sau, từ cá	iu 13 đến câu 28.
A. for	B . from	C . in	D . on
C âu 14: Amsterdam is one of		s in the world.	
A. peaceful			D . as peaceful
C âu 15 : "Tom, the head teach	-	-	-
A. is wanting			
C âu 16 : What time			
A . were the news			D . is the news
C âu 17 : The meeting is very i	mportant	be late!	
A. won't	B . wouldn't	C. shouldn't	D. needn't
C âu 18 : Let's make our schoo	lto welcome	e the newcomers.	
A. beautiful		C. beautifully	D . beautify
C âu 19 : Nam: "What are the p	naanla thana	"?	-
	beopie mere		

	A.	like	B . look like	C. look	D . love
Câu	20 :	Ais a sı	mall box often in the	e shape of a pig that childs	ren use for saving money in
	A.	pencil case	B . bookcase	C. square bag	D . piggy bank
Câu	21:	Thien Mu pago	da is attractive. I rea	ally enjoythere.	
	A.	to visit	B . the visit	C. to visiting	D . visit
Câu	22 :	<i>Peter</i> : "Wh	at will you do at Ha	Long Bay, Mary?"	
		<i>Mary</i> : "I do	n't know	_	
	A.	. I often go hikir	ng there	B . I am going to the	ne cinema
	C .	. I may explore s	some caves	D . I went mountain	n climbing
Câu	23 :	The kids are	their bikes a	round the playground.	
	A.	. riding	B . driving	C. playing	D . taking
Câu	24 :	Life in the city:	isthan 1	ife in the countryside.	
	A.	. busy	B . much busy	C. the busiest	D . busier
Câu	25 :	<i>Nga</i> : "	do you visit	your hometown?"	
		<i>Lan</i> : "Twic	e a year."		
	A.	. How long	B . How far	C. How often	D . How much
Câu	26 :	<i>Tom</i> : "How	can we get to Ho C	Chi Minh City?"	
		<i>Linda</i> : "We	e can go		
	A.	in plane	B . with plane	C. by plane	D . on plane
Câu				_my dog when I was not a	
				C. look down	
Câu	28 :	Yesterday John	to school be	cause he had a toothache.	
			B . doesn't go		
	<i>Em</i> 29 :	n hãy chọn từ kh	ác với những từ còn	g to the group in each qu lại trong nhóm ở mỗi câu C. quietly C. cooker	ı sau, từ câu 29 đến câu 30.
		C			1 . 1 .
				ence BUILT from the given	ven words in each of
-		is from 31 to 35	_	ững gợi ý ở mỗi câu sau, t	in câu 21 đấn câu 25
Em r	iay c	chọn cau aung h	mai auģe viei iu nni	thg gọi y ở môi cấu sau, i	u cau 31 aen cau 33.
Câu	A. B.	It often takes h It often take him	m 15 minutes cyclin	ng to school every day. g to school every day.	
				ele to school every day.	
C ^-			•	cle to school every day.	
Cau			/ play/ computer gan		
				iter games at weekends.	
				iter games at weekends.	1
			1	mputer games at weekend	18.
C 1				uter games at weekends.	
Cau		-	books/library/yeste	=	
			_	ibrary yesterday afternoon	
		•		the library yesterday afte	
		•	<u> </u>	library yesterday afterno	
	D.	They borrow a	lot of books from th	ne library yesterday aftern	oon.

 Câu 34: Tony / go / hometown / Australia / sum A. Tony goes back to hometown in Austra B. Tony will go back hometown in Austra C. Tony is going back to his hometown in D. Tony goes back his hometown in Austra 	alia this summer holiday. dia this summer holiday. Australia this summer holiday.
Câu 35: Phuc / learn / speak / English / by / talk A. Phuc learns to speak English by talk wi B. Phuc learns speaking English by talk w C. Phuc learns to speak English by talking D. Phuc learns speaking English by talking	ith foreign tourists. ith foreign tourists. g with foreign tourists.
Task 7. (1.25 points) Choose the sentence that in each of the questions from 36 to 40. Em hãy chọn câu có nghĩa gần nhất với mỗi	is CLOSEST in meaning to the sentence given câu đã cho, từ câu 36 đến câu 40.
Câu 36: Mai received a lovely doll from her mor A. Mai's mom gives her a lovely doll on h B. Mai's mom lends her a lovely doll on h C. Mai's mom lent her a lovely doll on her D. Mai's mom gave her a lovely doll on her	er 12 th birthday. er 12 th birthday. r 12 th birthday.
 Câu 37: It isn't necessary to finish the work today. A. You mustn't finish the work today. B. You shouldn't finish the work today. C. You can't finish the work today. D. You don't have to finish the work today. 	
Câu 38: My mother likes walking better than cy	cling.
A. My mother prefers to walk to cycle.C. My mother prefers walking than cycling.	B. My mother prefers walk to cycle.D. My mother prefers walking to cycling.
Câu 39: What is the weight of your suitcase?	
A. How long is your suitcase?C. How big is your suitcase?	B. How high is your suitcase?D. How heavy is your suitcase?
Câu 40: Mr. Nam's motorbike is grey.	
A. Mr. Nam has a motorbike grey.C. Mr. Nam owns a grey motorbike.	B. Mr. Nam have a grey motorbikeD. Mr. Nam own a motorbike grey.
	HÉT
Học sinh không được sử dụng tài liệu. C	án bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.
Họ và tên học sinh: Chữ ký Cán bô coi kiểm tra 1:	Số báo danh: Chữ ký Cán bô coi kiểm tra 2:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỪA THIÊN HUẾ

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG NĂM HOC 2021 – 2022

Ngày 07 tháng 6 năm 2021

Môn: TIÊNG ANH

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỰC

(Đề có 04 trang)

Mã đề: 456.

Task 1. (0.5 point) Choose the word that has a different stress pattern from the others in each question from 1 to 2.

Ēm hãy chọn từ có trọng âm khác với những từ còn lại ở mỗi câu sau, từ câu 1 đến 2

Câu 1: A. stationB. marketC. theatreD. hotelCâu 2: A. engineerB. familyC. sceneryD. hospital

Task 2. (1.25 points) Read the following passage and decide if the statements are True, False, or Not given. Choose the letter A, B or C in each of the questions from 3 to 7.

Em hãy đọc đoạn văn và chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu sau, từ câu 3 đến 7

Misozi is eleven and lives in Zambia, in Africa. Every morning she and her little sister, Grace, get up at half past four. First, they get water. It takes an hour. They come home and they have breakfast with their mother. After breakfast, their mother goes to work. Then the sisters walk to school. They leave the house at six o'clock and they get to school at half past seven. They love school. At twelve o'clock, the students have lunch. They have a dish called nshima, In the afternoon, the girls walk home. They clean their small house. They get water again and do the washing. At seven o'clock, their mother comes home from work with some food. They all cook dinner. Then Misozi helps Grace with her homework.

The girls' life isn't easy, but they have a mother, food, and they go to school. Many African children don't have these things.

*Note: Not given: không có thông tin trong bài

Câu 3: Misozi lives with her mum and sister.

A. True B. False C. Not given

Câu 4: Before going to school, the girls spend half an hour getting water.

A. True B. False . C. Not given

Câu 5: Misozi and Grace study hard at school.

A. True B. False C. Not given

Câu 6: Misozi and Grace go to school in the afternoon.

A. True B. False C. Not given

Câu 7: The girls are luckier than many other African children.

A. True B. False C. Not given

Task 3. (1.25 points) Read the following passage and choose the best answer A, B, C or D to each of the questions from 8 to 12.

Em hãy đọc đoạn văn và chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu sau, từ câu 8 đến câu 12.

Jane loves reading about different animals in her school library. Last Friday, Jane's teacher told the class to find pictures of animals. "Look on the website I told you about yesterday," she said. "Work with a friend. Choose a really strong animal and talk about it"

Jane worked with Paul. "Bears are great" Paul said, "Let's find a picture of a bear. They are really good at catching fish! "Or a lion" People are frightened of those. Let's find a picture of a lion with its mouth open. I like seeing its big teeth."

"What about kangaroos?" Jane said. "They have longer and stronger tails than bears or lions. It's their tails that make them really good at hopping! Their back legs are the strongest, too." Paul looked at Jane. "OK! You are right again, Jane." he said. "You are the cleverest girl in the class!"

B. Strong Animals

Câu 8: What is the topic of the pupils' task?

A. Frightening Animals

C. Lovely Animals		D. Clever Animals	S
Câu 9: What did the teacher as	k the pupils to do?		
A. Go to the library the t	eacher and read bo	oks on animals.	
B . Find a picture of an ar	nimal and talk abou	ıt it.	
C. Chat about strong ani	mals with a friend	online.	
D . Choose a strong anim	al and draw a pictu	re of it.	
Câu 10: According to Paul, wh	nich animals are peo	ople frightened of?	
A. bears and lions	•	B . kangaroos and	lions
C. bears and kangaroos		D . lions and fish	
Câu 11: What helps kangaroos	hop well?		
A. Their strong front legs	S	B. Their long andD. Their strong ba	strong tails
C. Their strong big teeth		D . Their strong ba	ck legs
Câu 12: Which of the following	g is NOT TRUE at	oout Jane?	
A . Jane is not very intelligible	igent.	B. Jane and Paul a	re classmates.
C. Jane thinks kangaroos	s are strong.	D . Jane likes readi	ng books.
Table 4 (4 mainte) Channa tha	L 4	C D 4 b - f	41
Task 4. (4 points) Choose the <i>Em hãy chọn phương án tr</i>			
Em nay chọn phương an tr	a ioi aung nnai che	o moi cau sau, ia ca	u 13 aen cau 26.
Câu 13 : They would like some	vegetables meat a	and rice dinne	r
A. for	B . from	C. in	D . on
Câu 14: Amsterdam is one of t			D. On
A. peaceful			D as neaceful
Câu 15: "Tom, the head teache	-	-	B. as peacetal
A. is wanting			D wanted
Câu 16: What time			D. Walited
A. were the news			D is the news
Câu 17 : The meeting is very in			D. is the news
A. won't	B . wouldn't		D. needn't
Câu 18: Let's make our school			
A. beautiful	B . beauty	C. beautifully	D . beautify
Câu 19 : Nam: "What are the pe	•	"?	2 () () () () () () () () () (
Lan: "They're very kind	-		
A. like	B . look like	C. look	D . love

Câu				1 1 0	ldren use for saving money in
Cân				e C. square bag	
Cau	21:	Thien Mu pag	oda is attractive. I re	ally enjoyther	e.
	\mathbf{A}	. to visit	B . the visit	C . to visiting	D . visit
Câu	22 :		hat will you do at Ha		
		<i>Mary</i> : "I d	lon't know	<u> </u>	
	\mathbf{A}	. I often go hik	ing there	B . I am going to D . I went mount	the cinema
	\mathbf{C}	. I may explore	e some caves	D . I went mount	ain climbing
Câu	23 :	The kids are	their bikes	around the playground.	
	A	. riding	B . driving	C. playing	D . taking
Câu	24 :	Life in the city	y isthan	life in the countryside.	
				C. the busiest	D . busier
Câu	25 :	<i>Nga</i> : "	do you visit	t your hometown?"	
		<i>Lan</i> : "Tw:	-		
	\mathbf{A}	. How long	B . How far	C. How often	D . How much
Câu	26 :	<i>Тот</i> : "Но	w can we get to Ho (Chi Minh City?"	
		<i>Linda</i> : "W	Ve can go		
	\mathbf{A}	. in plane	B . with plane	C. by plane	D . on plane
Câu	27 :	My neighbour	helped me to	_my dog when I was no	t at home.
		-		C. look down	
Câu				ecause he had a toothach	
	A	. didn't go	B . doesn't go	C. went	D . goes
				ig to the group in each	
	<i>En</i> : 29 :	<i>ı hãy chọn từ k</i> A . quickly	hác với những từ còi <mark>B</mark> . friendly	n lại trong nhóm ở mỗi c C. quietly	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully
Câu	Em 29: 30:	n hãy chọn từ k A. quickly A. singer	hác với những từ còi B . friendly B . worker	n lại trong nhóm ở mỗi c C. quietly C. cooker	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher
Câu Task ques	Em. 29: 30: 4 6. tion	n hãy chọn từ k A. quickly A. singer (1.25 points) (ns from 31 to 3	B. friendly B. worker Choose the best sent	n lại trong nhóm ở mỗi c C. quietly C. cooker tence BUILT from the ş	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher given words in each of
Câu Task ques	Em. 29: 30: 4 6. tion	n hãy chọn từ k A. quickly A. singer (1.25 points) (ns from 31 to 3	B. friendly B. worker Choose the best sent	n lại trong nhóm ở mỗi c C. quietly C. cooker	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher given words in each of
Câu Task ques <i>Em l</i>	Em. 29: 30: 4 6. tion aãy of A. B. C.	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often take h	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. Thát được viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cycle im 15 minutes to cycle	n lại trong nhóm ở mỗi c C. quietly C. cooker tence BUILT from the g ững gợi ý ở mỗi câu sau	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior aay of 31: A. B. C. D.	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes It often takes	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. Thát được viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cycle im 15 minutes to cycle	C. quietly C. cooker tence BUILT from the serve ago y or moi cau saused to school every day. The to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior aay of A. B. C. D. 32:	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes We/ interested	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. Inhất được viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cyc him 15 minutes to cycle	C. quietly C. cooker tence BUILT from the serve ago y or moi cau saused to school every day. The to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: x 6. tior aãy (31: A B. C. D. 32: A	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 A chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes We/ interested We are intere	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. That dwoc viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycl nim 15 minutes to cyc him 15 minutes cycl him 15 minute	C. quietly C. cooker tence BUILT from the series goi ý ở mỗi câu sau tool / every day. ing to school every day. tele to school every day. tele to school every day. yele to school every day. wele to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D . carefully D . teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior aay (A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes We/ interested We are intere	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. Inhất được viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cyc him 15 minutes	C. quietly C. cooker tence BUILT from the grang gọi ý ở mỗi câu sau ool / every day. ing to school every day. cle to school every day. yele to school every day. wele to school every day. yele to school every day. wele to school every day. well to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D. carefully D. teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior nãy c 31: A B. C D. 32: A B. C	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes We/ interested We are intere We are intere	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. That dwoc viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cyc him 15 minutes cyclin him 15 minutes to cyc him 15 minutes to cyc him 15 minutes to cyc him 15 minutes cyclin him 15 minutes c	C. quietly C. cooker tence BUILT from the series goi ý ở mỗi câu sau tool / every day. ing to school every day. tele to school every day. tele to school every day. yele to school every day. wele to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D. carefully D. teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior aãy a 31: A B. C. D. 32: A B. C. D.	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes We/ interested We are intere We are intere We are intere	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. That dwoc viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cyc him 15 minutes cyclin him 15 minutes to cyc him 15 minutes to cyc him 15 minutes to cyc him 15 minutes cyclin him 15 minutes c	C. quietly C. cooker tence BUILT from the grang gọi ý ở mỗi câu sau ool / every day. ing to school every day. cle to school every day. cle to school every day. yele to school every day. wele to school every day. well to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D. carefully D. teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior nãy c 31: A B. C D 32: A B. C D 333:	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chon câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often takes We/ interested We are intere We are intere We are intere They/ borrow/	B. friendly B. worker Choose the best sent S5. Inhất được viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cyc him 15 minutes	C. quietly C. cooker tence BUILT from the grang gọi ý ở mỗi câu sau ool / every day. ing to school every day. cle to school every day. cle to school every day. yele to school every day. wele to school every day. well to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D. carefully D. teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35. nds.
Câu Task ques Em l Câu	Em. 29: 30: 46. tior ay a 31: A B. C. D. 32: A B. C. D. 33: A	A. quickly A. quickly A. singer (1.25 points) As from 31 to 3 chọn câu đúng It / take / 15 r It often takes It often take h It often take h It often takes We/ interested We are intere We are intere We are intere We are intere They/ borrowe They borrowe	B. friendly B. worker Choose the best sent 35. Inhât được viết từ nh minutes / cycle / scho him 15 minutes cycli nim 15 minutes to cyc him 15 minutes to	C. quietly C. cooker tence BUILT from the grang gọi ý ở mỗi câu sau ool / every day. ing to school every day. cle to school every day. yele to school every day.	âu sau, từ câu 29 đến câu 30. D. carefully D. teacher given words in each of , từ câu 31 đến câu 35. nds. con.

D. They borrow a lot of books from the library yesterday afternoon.

C âu 34 : Tony / go / hometown / Australia / sum	mer holiday.
A. Tony goes back to hometown in Austra	alia this summer holiday.
B. Tony will go back hometown in Austra	lia this summer holiday.
C. Tony is going back to his hometown in	Australia this summer holiday.
D . Tony goes back his hometown in Austr	taran da antara da a
C âu 35 : Phuc / learn / speak / English / by / talk	/ foreign tourists.
A. Phuc learns to speak English by talk wi	ith foreign tourists.
B . Phuc learns speaking English by talk w	rith foreign tourists.
C. Phuc learns to speak English by talking	g with foreign tourists.
D . Phuc learns speaking English by talkin	g with foreign tourists.
	is CLOSEST in meaning to the sentence given
in each of the questions from 36 to 40.	2 4 1 1 1 2 2 4 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1
Em hãy chọn câu có nghĩa gần nhất với mỗi	cau da cho, tu cau 30 den cau 40.
Câu 36: Mai received a lovely doll from her mo	m on her 12 th birthday.
A. Mai's mom gives her a lovely doll on h	er 12 th birthday.
B . Mai's mom lends her a lovely doll on h	er 12 th birthday.
C. Mai's mom lent her a lovely doll on her	r 12 th birthday.
D . Mai's mom gave her a lovely doll on he	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
C âu 37 : It isn't necessary to finish the work toda	ıV.
A. You mustn't finish the work today.	•
B . You shouldn't finish the work today.	
C. You can't finish the work today.	
D . You don't have to finish the work today	у.
C âu 38 : My mother likes walking better than cy	cling.
A. My mother prefers to walk to cycle.	B . My mother prefers walk to cycle.
C. My mother prefers walking than cycling.	D . My mother prefers walking to cycling.
Câu 39: What is the weight of your suitcase?	
A . How long is your suitcase?	B . How high is your suitcase?
C. How big is your suitcase?	D . How heavy is your suitcase?
C âu 40 : Mr. Nam's motorbike is grey.	
A . Mr. Nam has a motorbike grey.	B . Mr. Nam have a grey motorbike
C. Mr. Nam owns a grey motorbike.	D . Mr. Nam own a motorbike grey.
	HÉT
Học sinh không được sử dụng tài liệu. C	án bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm.
Họ và tên học sinh:	Số báo danh:
Chữ ký Cán bộ coi kiểm tra 1:	Số báo danh: Chữ ký Cán bộ coi kiểm tra 2:
•	•